

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020**



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 38

1019  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM  
1 NHÀ  
HÀ NỘI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 07 ngày 23/04/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 07 ngày 23/04/2020 là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

#### Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	
- Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	
- Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2020
- Ông Đặng Việt Phương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 27/06/2020

#### Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban kiểm soát	
- Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên ban kiểm soát	Miễn nhiệm từ ngày 27/06/2020
- Bà Hà Thị Hiến	Thành viên ban kiểm soát	
- Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2020

#### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Mai Anh Tám	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày từ ngày 27/06/2020
- Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 08/07/2020
- Bà Dương Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 08/07/2020

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Số: 25/2021/BCKT – CPAMB1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.*

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 09/04/2021 từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Nguyễn Thị Hồng Liên****Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Hà Nội ngày 09 tháng 04 năm 2021

---

**Nguyễn Thị Trúc Giang****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>426.363.828.578</b>	<b>295.875.254.223</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>34.500.233.880</b>	<b>9.309.485.304</b>
1. Tiền	111		32.175.134.296	9.309.485.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.325.099.584	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>80.750.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	80.750.000.000	33.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.374.503.541</b>	<b>157.788.708.134</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	50.876.428.609	68.195.324.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.6	40.089.237.733	38.817.276.590
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.11.1	250.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.10	14.158.837.199	50.869.084.164
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	-	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>202.077.794.643</b>	<b>94.367.791.148</b>
1. Hàng tồn kho	141		202.077.794.643	94.367.791.148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.661.296.514</b>	<b>1.409.269.637</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V5.1	16.586.364	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.644.710.150	1.409.269.637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>115.251.400.805</b>	<b>101.608.600.631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>400.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11.2	-	400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.102.675.560</b>	<b>961.232.358</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.102.675.560	961.232.358
- Nguyên giá	222		2.019.283.092	1.598.843.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(916.607.532)	(637.611.279)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8	<b>114.148.725.245</b>	<b>100.219.172.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.979.352.000	31.624.172.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.000.000.000	59.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.625.000.000	6.625.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(245.626.755)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	2.470.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>28.196.273</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5.2	-	28.196.273
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>541.615.229.383</b>	<b>397.483.854.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>362.166.415.382</b>	<b>222.603.525.036</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>361.917.082.054</b>	<b>222.603.525.036</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	258.514.190.348	47.401.551.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	73.804.942.774	3.469.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.880.098.629	366.185.052
4. Phải trả người lao động	314		54.644.137	38.897.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	40.605.575	3.233.344.782
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.205.179.943	10.159.660.197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	24.417.420.648	157.934.885.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>249.333.328</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		249.333.328	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>179.448.814.001</b>	<b>174.880.329.818</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>179.448.814.001</b>	<b>174.880.329.818</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.803.209.076	14.234.724.893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.168.135.627	8.119.827.732
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.635.073.449	6.114.897.161
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>541.615.229.383</b>	<b>397.483.854.854</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

**NGUYỄN THỊ THÚY NGA**  
Người lập

**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



**MAI ANH TÂM**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	568.643.076.179	400.740.048.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.20</b>	<b>568.643.076.179</b>	<b>400.740.048.524</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	553.091.410.012	392.229.485.591
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.551.666.167</b>	<b>8.510.562.933</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	2.584.951.852	7.919.770.947
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	5.941.220.735	6.213.675.938
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.468.018.129	5.848.099.909
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	2.658.373.397	1.500.178.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	2.428.146.484	1.917.143.568
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.108.877.403</b>	<b>6.799.335.774</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.26	254.921.905	528.507.885
12. Chi phí khác	32	VI.26	725.489.225	374.055.905
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(470.567.320)</b>	<b>154.451.980</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.638.310.083</b>	<b>6.953.787.754</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	2.003.236.634	838.890.593
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.635.073.449</b>	<b>6.114.897.161</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

**NGUYỄN THỊ THÚY NGA**  
Người lập

**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



**MAI ANH TÁM**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.638.310.083	6.953.787.754
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	278.996.253	315.895.742
- Các khoản dự phòng	03	152.649.925	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(850.340.574)	300.835.011
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.578.624.188)	(8.013.049.026)
- Chi phí lãi vay	06	5.468.018.129	5.848.099.909
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	10.109.009.628	5.405.569.390
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	51.111.491.384	(12.748.321.326)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(107.710.003.495)	(27.840.751.148)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	282.011.515.356	43.934.232.068
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11.609.909	18.338.658
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.560.088.736)	(5.734.923.727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(982.373.573)	(3.122.991.362)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	228.991.160.473	(88.847.447)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(420.439.455)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	654.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(99.965.000.000)	(45.337.026.356)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.045.000.000	48.190.253.205
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.560.180.000)	(66.120.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	41.705.000.000	23.745.790.759
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	988.873.714	4.151.190.706
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(61.206.745.741)	(34.715.246.231)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	236.076.135.817	380.674.489.494
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(369.344.267.555)	(352.389.537.766)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.325.760.000)	(3.325.190.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(142.593.891.738)	24.959.761.728
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	25.190.522.994	(9.844.331.950)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	9.309.485.304	19.153.635.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	225.582	182.078
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	34.500.233.880	9.309.485.304

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

*(Signature)*

*(Signature)*



**NGUYỄN THỊ THÚY ANGA**  
Người lập

**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng

**MAI ANH TÁM**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Mẫu B09 - DN

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 07 ngày 23/04/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 07 ngày 23/04/2020 là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 08 người, trong đó có 05 người là cán bộ quản lý (Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 17 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

*Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có 02 công ty con (Trong đó Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 04 công ty con), 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020		
	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD (%)	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế (%)
<i>Công ty con</i>					
<i>Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc</i>	30.000.000.000	98%	30.000.000.000	29.400.000.000	98%
<i>Công ty cổ phần công nghệ CRC</i>	66.500.000.000	95%	51.585.180.000	51.535.180.000	99,90%
<i>Và 04 công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC</i>					
<i>Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam</i>	8.000.000.000	93,1%	5.950.000.000	5.850.000.000	98,32%
<i>Công ty cổ phần CRC Power</i>	10.000.000.000	93,1%	6.365.580.000	6.165.580.000	96,86%
<i>Công ty cổ phần Nhật Nguyên Xanh Solar</i>	5.000.000.000	93,1%	-	-	-
<i>Công ty cổ phần CRC Invest</i>	10.000.000.000	93,1%	13.294.000.000	13.094.000.000	98,49%
<i>Công ty liên kết</i>					
<i>Công ty TNHH Trường Sơn</i>	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm của Công ty:** được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Kế toán trên máy vi tính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập báo cáo tài chính:**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

**Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:**

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.
- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Trường hợp trong năm phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*  
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối năm:**

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 31/12/2020.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.

*Phương pháp xác định giá gốc của Mù cao su:* Đích danh.

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:* Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ, giá trị sản phẩm dở dang của gạch cuối kỳ

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 12 tháng.

#### Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

#### Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, kế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí nhập khẩu.

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá, lãi chuyển nhượng cổ phần và lãi do chậm thanh toán được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm lương của nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, chi phí giao hàng, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển và các chi phí khác phục vụ cho quá trình bán hàng.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách, hội nghị khách hàng...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

		31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ	(i)	1.752.778.924	5.020.364.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	30.422.355.372	4.289.121.270
Các khoản tương đương tiền	(iii)	2.325.099.584	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>34.500.233.880</b>	<b>9.309.485.304</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2020 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	1.752.778.924
<b>Cộng</b>	<b>1.752.778.924</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

	VND
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>30.381.885.070</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long	1.248.117
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	8.328.634
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	11.617.864.819
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	202.807
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	43.134.423
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	5.448.333.279
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	12.108.260.482
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	27.005
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	1.610.135
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	1.152.875.369

	USD	VND
<b>Tiền gửi USD</b>		<b>40.470.302</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	247,98	5.749.413
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	283,45	6.587.371
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	132,83	3.100.325
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	223,63	5.278.612
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	591,67	13.742.710
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	259,30	6.011.871
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.738,86</b>	<b>30.422.355.372</b>

(iii) Số dư tiền tương đương tiền bao gồm:

	31/12/2020	01/01/2020
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch (*)	2.325.099.584	-
	<b>2.325.099.584</b>	-

(\*) Hợp đồng tiền gửi ngày 25/09/2020 với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3,3%/ năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Tiền gửi ủy thác của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)</b>	<b>80.750.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
Bà Dương Thị Huyền (ii)	14.400.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung (ii)	17.600.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga (ii)	34.500.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Giáp	3.000.000.000	19.000.000.000
Bà Phạm Thị Huế	11.250.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Huy	-	14.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.750.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2020 ngày 29/03/2020 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Khoản ủy thác cho các cá nhân đang được thế chấp cho các hợp đồng L/C.

**3. Phải thu khách hàng**

**Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH TM Cao su An Bình	-	1.587.050.000
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	3.954.537.114	48.706.831.890
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	4.121.243.813	2.922.253.910
Công ty cổ phần công nghệ EMP	30.644.623.728	7.894.499.000
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh Kon Tum	3.778.303.500	-
Công ty TNHH Việt Hương	3.063.967.444	-
Các đối tượng khác	5.313.753.010	7.084.689.410
<b>Cộng</b>	<b>50.876.428.609</b>	<b>68.195.324.210</b>

**Trong đó khoản phải thu với các bên có liên quan**

	31/12/2020	01/01/2020
<b><u>Khoản phải thu với các bên có liên quan</u></b>	<b>541.176.614</b>	<b>741.176.614</b>

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**4. Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Nợ phải thu khó đòi</b>				
Công ty CP Vật liệu nhẹ Thăng Long	-	-	92.976.830	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>92.976.830</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5. Chi phí trả trước**

**5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ	16.586.364	-
<b>Cộng</b>	<b>16.586.364</b>	<b>-</b>

**5.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ	-	28.196.273
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>28.196.273</b>

**6. Trả trước cho người bán**

**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Ông Nguyễn Văn Đương	-	10.651.682.694
Ông Phạm Văn Lộc	-	13.879.274.476
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc Ý tưởng	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	33.642.966.200	-
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhật Minh Xanh	-	1.804.599.740
Các đối tượng khác	4.446.271.533	12.481.719.680
<b>Cộng</b>	<b>40.089.237.733</b>	<b>38.817.276.590</b>

**Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan**

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

	31/12/2020	01/01/2020
	-	1.349.377.963

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	11.225.688.263	-	36.885.737.329	-
Chi phí SXKD dở dang	103.615.633.632	-	8.073.748.565	-
+ Dự án Dầu Tiếng	57.865.810.763	-	-	-
+ Dự án Bảo Lộc	22.508.814.574	-	-	-
+ Dự án Bình Định	22.651.074.141	-	-	-
+ Dự án khác	589.934.154	-	8.073.748.565	-
Thành phẩm (*)	10.736.773.850	-	12.288.277.658	-
Hàng hoá (*)	76.499.698.898	-	37.120.027.596	-
<b>Cộng</b>	<b>202.077.794.643</b>	<b>-</b>	<b>94.367.791.148</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Loại hàng gửi</b>	31/12/2020	01/01/2020
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	4.868.263	479.861.399
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mủ cao su, cao su thành phẩm	-	56.136.359.342
Ông Nguyễn Văn Đương	Mủ cao su, cao su thành phẩm	40.584.292.541	16.457.655.850
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP	Nhân điều	19.795.108.858	8.680.276.278
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	Nhân điều	3.243.240.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng (245.626.755)	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	82.979.352.000	(245.626.755)	31.624.172.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.000.000.000	-	59.500.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	6.625.000.000	-	6.625.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.790.000.000	-	2.470.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.394.352.000</b>	<b>(245.626.755)</b>	<b>100.219.172.000</b>	<b>-</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số VII.1

**8.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên đơn vị	31/12/2020		01/01/2020	
	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị
Công ty TNHH SX và XNK CRC Bình Phước (*)	Nông sản	-	0%	-
Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc	Gạch ngoại	2.940.000	98%	31.444.172.000
Công ty cổ phần Công nghệ CRC (*)	Công nghệ	5.153.518	95%	51.535.180.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>82.979.352.000</b>

(\*): Trong năm, Công ty giám vốn tại Công ty TNHH SX và XNK CRC Bình Phước theo Nghị quyết số 3112-2020/CRC/NQ - HĐQT ngày 31/12/2020 của Hội đồng quản trị. Công ty góp vốn thành lập Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Nghị quyết số 1107/2019/CRC/NQ-HĐQT ngày 11/07/2019.

**8.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Tên đơn vị	31/12/2020		01/01/2020	
	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị
Công ty cổ phần Gốm sứ Haccoco (*)	Gốm sứ	-	-	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Gạch ngoại	2.940.000	45%	18.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>18.000.000.000</b>

(\*): Trong năm, Công ty giám vốn tại Công ty cổ phần Gốm sứ Haccoco theo Nghị quyết số 3112-2020/CRC/NQ - HĐQT ngày 31/12/2020 của Hội đồng quản trị.

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính năm 2020

17-002

NAM

M.S.C.A

THÀNH

21

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**8. Đầu tư tài chính dài hạn**

**8.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2020		01/01/2020			
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ		17,43%	6.625.000.000	17,43%	6.625.000.000	6.625.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>6.625.000.000</b>		<b>6.625.000.000</b>	<b>6.625.000.000</b>

**8.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

- Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (\*)
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (\*\*)
- Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (\*\*\*)

**Tổng cộng**

- (\*) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi
  - (\*\*) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi
  - (\*\*\*) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi
- Các trái phiếu này đang được thế chấp cho các khoản vay, Chi tiết tại thuyết minh số V.17

**8.5 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn:**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được lập nhằm phản ánh sự suy giảm giá thị trường của các cổ phiếu có liên quan tại ngày kết thúc niên độ.

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng giảm giá các khoản ĐTDH đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	245.626.755	-
Trừ: SD và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
DP giảm giá các khoản ĐTDH cuối năm	245.626.755	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	293.636.364	1.305.207.273	1.598.843.637
Mua trong năm	-	420.439.455	420.439.455
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>293.636.364</b>	<b>1.725.646.728</b>	<b>2.019.283.092</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2020	70.251.719	567.359.560	637.611.279
Khấu hao trong năm	29.363.640	249.632.613	278.996.253
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>99.615.359</b>	<b>816.992.173</b>	<b>916.607.532</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2020	223.384.645	737.847.713	961.232.358
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>194.021.005</b>	<b>908.654.555</b>	<b>1.102.675.560</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng (năm 2019 là 0 đồng)  
 Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: 0 đồng (năm 2019 là 0 đồng)  
 Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 479.497.180 đồng (năm 2019 là 737.847.713 đồng)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**10. Các khoản phải thu khác**

*Phải thu khác ngắn hạn*

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Tạm ứng</b>	<b>1.801.440.000</b>	<b>6.953.807.200</b>
Ông Lê Quang Thạch	-	6.168.547.000
Ông Đỗ Văn Quyết	1.000.000.000	-
Ông Hồ Công Trứ	800.000.000	-
Các đối tượng khác	1.440.000	785.260.200
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.987.510.714</b>	<b>43.915.276.964</b>
Công ty cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam	-	27.104.836.724
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	1.164.974.782	364.974.782
Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	822.535.932	232.785.458
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	16.212.680.000
<b>Ký quỹ, ký cược</b>	<b>10.369.886.485</b>	<b>-</b>
Ký quỹ - Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	941.000.000	-
Ký quỹ - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	9.428.886.485	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.158.837.199</b>	<b>50.869.084.164</b>

*Trong đó khoản phải thu khác với các bên có liên quan*

	31/12/2020	01/01/2020
Phải thu khác các bên có liên quan	1.257.017.391	364.974.782

*Khoản phải thu khác với các bên có liên quan chi tiết tại mục VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.*

**11. Tài sản dài hạn khác**

**11.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (i)	250.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Theo thỏa thuận ngày 26/11/2020, Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát hoàn trả toàn bộ gốc vay trong năm 2021.

**11.2 Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát	-	400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>400.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**12. Phải trả người bán**

*Phải trả người bán ngắn hạn*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật liệu Làm nhà PLD	14.775.930.411	14.775.930.411	-	-
Công ty cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam	-	-	28.399.207.976	28.399.207.976
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	-	-	7.737.364.775	7.737.364.775
Công ty JASOLAR INTERNATIONAL LIMITED	117.528.600.838	117.528.600.838	-	-
Công ty JINKOSOLAR CO, LTD	40.789.599.365	40.789.599.365	-	-
Công ty ZNSHINE SOLAR	45.740.139.448	45.740.139.448	-	-
Các đối tượng khác	39.679.920.286	39.679.920.286	11.264.978.678	11.264.978.678
<b>Cộng</b>	<b>258.514.190.348</b>	<b>258.514.190.348</b>	<b>47.401.551.429</b>	<b>47.401.551.429</b>

**Trong đó khoản phải trả với các bên có liên quan**

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả các bên có liên quan	-	6.560.184.113

*Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.*

**13. Người mua trả tiền trước**

*Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Vạn Lợi	-	1.435.000.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp nặng MICO	-	172.000.000
Công ty cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	-	1.862.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	32.132.591.182	-
Công ty TNHH XNK TMDV Bắc Nam	11.267.070.255	-
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	7.850.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hà My	8.250.000.000	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	413.923.528	-
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	6.630.000.000	-
Các đối tượng khác	7.261.357.809	-
<b>Cộng</b>	<b>73.804.942.774</b>	<b>3.469.000.000</b>

**Trong đó khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan**

	31/12/2020	01/01/2020
Người mua trả tiền trước các bên có liên quan	35.313.102.928	-

*Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
- Chi phí thuê văn phòng	-	-
- Chi phí gia công mù cao su	-	3.120.168.600
- Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	21.105.575	113.176.182
- Chi phí trích trước khác	19.500.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.605.575</b>	<b>3.233.344.782</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	-	31.955.142.980	31.955.142.980	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.185.052	2.038.749.650	982.373.573	1.422.561.129
Thuế thu nhập cá nhân	-	639.451.600	181.914.100	457.537.500
Thuế BV MT và các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	170.069.532	170.069.532	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>366.185.052</b>	<b>34.803.413.762</b>	<b>33.289.500.185</b>	<b>1.880.098.629</b>

**16. Phải trả khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.172.179.943	3.172.179.943	10.126.660.197	10.126.660.197
+ Công ty CP Sản xuất cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	-	459.460.397	459.460.397
+ Công ty cổ phần CRC Công nghệ	2.850.000.000	2.850.000.000	-	-
+ Phải trả khác	66.589.266	66.589.266	341.439.800	341.439.800
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	255.590.677	255.590.677	9.325.760.000	9.325.760.000
- Nhận ký quỹ	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
+ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.205.179.943</b>	<b>3.205.179.943</b>	<b>10.159.660.197</b>	<b>10.159.660.197</b>

**Trong đó khoản phải trả khác với các bên có liên quan**

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả khác các bên có liên quan	2.850.000.000	-

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Bảo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Mẫu B09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính**Các khoản vay

	31/12/2020			01/01/2020			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Phát sinh trong kỳ	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	24.373.420.644	24.373.420.644	235.768.135.817	369.329.600.887	157.934.885.714	157.934.885.714	157.934.885.714
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (2)	15.786.709.975	15.786.709.975	139.056.534.261	202.767.808.601	79.497.984.315	79.497.984.315	79.497.984.315
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (3)	8.083.863.360	8.083.863.360	55.558.223.010	97.525.445.165	50.051.085.515	50.051.085.515	50.051.085.515
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (4)	502.847.309	502.847.309	41.153.378.546	69.036.347.121	28.385.815.884	28.385.815.884	28.385.815.884
Vay dài hạn đến hạn trả	44.000.004	44.000.004	58.666.672	14.666.668	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng (1)	44.000.004	44.000.004	58.666.672	14.666.668	-	-	-
Cộng vay ngắn hạn	24.417.420.648	24.417.420.648	235.826.802.489	369.344.267.555	157.934.885.714	157.934.885.714	157.934.885.714
Vay dài hạn	249.333.328	249.333.328	308.000.000	58.666.672	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng (1)	249.333.328	249.333.328	308.000.000	58.666.672	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.666.753.976</b>	<b>24.666.753.976</b>	<b>236.134.802.489</b>	<b>369.402.934.227</b>	<b>157.934.885.714</b>	<b>157.934.885.714</b>	<b>157.934.885.714</b>

**17.1. Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Số dư cuối kỳ	Khoản vay DH đến hạn trả	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	Hợp đồng cho vay kèm thẻ chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TTB MB4/01 ngày 21/08/2020	293.333.332	44.000.004	28/08/2027	8,9%	Ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94



Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**17.2 Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Bên cho vay	Hợp đồng vay/ Khoản vay	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hợp đồng TDHM số 01/2020/8353501/HĐTD ngày 15/06/2020	15.786.709.975		
	GNN ngày 28/09/2020	3.139.993.773	26/02/2021	6,6%
	GNN ngày 09/10/2020	1.169.875.872	09/03/2021	6,6%
	GNN ngày 19/10/2020	4.026.873.965	19/03/2021	6,6%
	GNN ngày 20/10/2020	4.026.873.965	22/03/2021	6,6%
	GNN ngày 21/12/2020	3.423.092.400	21/05/2021	6,6%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng TDHM số 01/2020/8353501/HĐTD ngày 15/06/2020 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại số 26D ngõ 12 Đặng Thai Mai thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.
- 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng.
- 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

Bên cho vay	Hợp đồng vay/ Khoản vay	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	Hợp đồng tín dụng số 1260 - LAV - 202000096 ngày 16/04/2020	8.083.863.360		
	GNN ngày 27/08/2020	351.000.000	27/02/2021	9,0%
	GNN ngày 31/08/2020	423.605.173	24/02/2021	9,0%
	GNN ngày 16/09/2020	937.966.472	16/03/2021	9,0%
	GNN ngày 10/11/2020	3.859.278.215	10/05/2021	8,0%
	GNN ngày 14/12/2020	2.512.013.500	16/06/2021	8,0%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1260 - LAV - 202000096 ngày 16/04/2020 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền.
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch Gạch ngoài Vĩnh Phúc.
- 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**17.2 Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Bên cho vay	Hợp đồng vay/ Khoản vay	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT127 - CRC	502.847.309		
	GNN số 02 ngày 22/09/2020	502.847.309	22/01/2021	7,2%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của của Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT127 - CRC bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số số BY 045357 của Ông Mai Anh Tâm và bà Trần Thị Thu Hiền.
- 60.000 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	150.000.000.000	-	10.645.604.925	15.875.418.409	176.521.023.334
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.114.897.161	6.114.897.161
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(255.590.677)	(255.590.677)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	150.000.000.000	-	10.645.604.925	14.234.724.893	174.880.329.818
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	4.635.073.449	4.635.073.449
Tăng khác	-	1.067.753.431	-	-	1.067.753.431
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(66.589.266)	(66.589.266)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(1.067.753.431)	-	-	(1.067.753.431)
<b>Số dư cuối năm</b>	150.000.000.000	-	10.645.604.925	18.803.209.076	179.448.814.001

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tám	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.500.000.000

	Năm 2020	Năm 2019
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		5,0%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	5,0%
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**19. Các khoản mục ngoại bảng**

a/ Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	1.738,86	10.888,44



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

**20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>568.643.076.179</b>	<b>400.740.048.524</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	462.894.254.082	310.293.918.881
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	10.042.979.600	88.102.493.283
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	94.680.863.446	1.900.000.000
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.024.979.051	443.636.360
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>568.643.076.179</b>	<b>400.740.048.524</b>
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	462.894.254.082	310.293.918.881
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	10.042.979.600	88.102.493.283
<i>Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng</i>	94.680.863.446	1.900.000.000
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	1.024.979.051	443.636.360
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
<i>Doanh thu các bên có liên quan</i>	15.568.178.066	3.791.727.326

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

**21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của hàng hóa đã bán	454.708.274.892	308.461.036.207
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.202.140.108	81.963.903.924
Giá vốn hợp đồng xây dựng	88.525.288.683	1.750.000.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	655.706.329	54.545.460
<b>Tổng cộng</b>	<b>553.091.410.012</b>	<b>392.229.485.591</b>

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền vay	1.578.624.188	1.219.697.057
Cổ tức được chia	-	3.948.227.487
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	155.987.090	233.375.644
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	850.340.574	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	2.518.470.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.584.951.852</b>	<b>7.919.770.947</b>

**23. Chi phí tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	5.468.018.129	5.848.099.909
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.575.851	64.741.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	300.835.011
Dự phòng các khoản đầu tư	245.626.755	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.941.220.735</b>	<b>6.213.675.938</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	671.153.916	583.412.819
- Chi phí công cụ quản lý	64.782.636	22.981.766
- Chi phí khấu hao TSCĐ	249.632.613	286.532.102
- Thuế, phí, lệ phí	3.020.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	(92.976.830)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.505.457.583	994.446.428
- Chi phí khác bằng tiền	27.076.566	26.770.453
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.428.146.484</b>	<b>1.917.143.568</b>

**25. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020	Năm 2019
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.658.373.397	1.500.178.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.658.373.397</b>	<b>1.500.178.600</b>

**26. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Thu nhập khác</b>	<b>254.921.905</b>	<b>528.507.885</b>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	326.653.723
- Hàng hóa thừa khi kiểm kê	-	201.852.000
- Hàng tặng	247.870.290	-
- Các khoản khác	7.051.615	2.162
<b>Chi phí khác</b>	<b>725.489.225</b>	<b>374.055.905</b>
- Thuế bị phạt, bị truy thu	655.843.885	291.986.689
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	651.679	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	55.152.546
- Chi phí khác	68.993.661	26.916.670
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>(470.567.320)</b>	<b>154.451.980</b>

**27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.836.891.147	81.120.517.404
Chi phí nhân công	671.153.916	182.981.766
Chi phí khấu hao TSCĐ	278.996.253	286.532.102
Chi phí dự phòng	(92.976.830)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.769.094.544	7.071.112.428
Chi phí khác bằng tiền	30.096.566	29.770.453
<b>Cộng</b>	<b>183.493.255.596</b>	<b>88.690.914.153</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.422.561.129	659.509.391
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	580.675.505	179.381.202
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.003.236.634</b>	<b>838.890.593</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>6.638.310.083</b>	<b>6.953.787.754</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>474.495.564</b>	<b>(3.656.240.798)</b>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	474.495.564	291.986.689
Phạt chậm nộp thuế và truy thu thuế	473.843.885	291.986.689
Lãi chậm nộp bảo hiểm	651.679	-
Chi phí lãi vay không hợp lý theo nghị định 20	-	-
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	-	<b>(3.948.227.487)</b>
Cổ tức được chia	-	3.948.227.487
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) kỳ trước	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>7.112.805.647</b>	<b>3.297.546.956</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>7.112.805.647</b>	<b>3.297.546.956</b>
Thuế suất thuế TNDN 20%	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	1.422.561.129	659.509.391
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>366.185.052</b>	<b>2.650.285.821</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	580.675.505	179.381.202
Thuế TNDN phải nộp của hợp đồng hợp tác đầu tư	35.513.016	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(982.373.573)	(3.122.991.362)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>1.422.561.129</b>	<b>366.185.052</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên có liên quan**

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Thu nhập của nhân sự chủ chốt

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương và phụ cấp		
Ban Kiểm soát	129.973.874	-
Bà Phạm Thị Huệ - Trưởng Ban Kiểm soát	78.298.674	-
Bà Hà Thị Hiến - Thành viên Ban Kiểm soát	51.675.200	-
Ban Tổng Giám đốc	65.149.000	19.992.250
Bà Dương Thị Huyền - Tổng Giám đốc	65.149.000	19.992.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>195.122.874</b>	<b>19.992.250</b>

Trong năm tài chính 2020, công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty, các thành viên thân cận trong gia đình của Ban Quản trị được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và XNK CRC Bình Phước	Công ty con đến ngày 30/12/2020
Công ty CP Liên doanh phát triển năng lượng CRC	Công ty con đến ngày 30/12/2020
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết đến ngày 24/11/2020
Công ty CP Hãng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Công ty và các Cổ đông của Cty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Sunpower Group	Công ty liên kết đến ngày 25/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

**1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Xuất bán sắt thép	-	1.891.727.326
		Chuyển tiền hàng	200.000.000	-
		Bù trừ công nợ	-	1.471.723.444
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	10.835.524.066	1.900.000.000
		Cho mượn tiền	360.000.000	-
		Bù trừ công nợ	150.500.000	-
		Chuyển tiền hàng	13.150.000.000	-
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Tạm ứng tiền mua hàng	1.300.000.000	-
		Hoàn lại tiền tạm ứng	1.300.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Doanh thu bán Pin	4.732.654.000	-
		Chuyển tiền hàng	36.984.930.200	-
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	-	654.545.455
		Bù trừ công nợ	-	1.538.773.993
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết đến ngày 24/11/2020	Bán hàng hóa	-	461.489.980
		Thanh toán công nợ	-	507.638.934
<b>Tiền gửi ủy thác</b>				
Ông Mai Anh Tâm	CT. HĐQT	Hoàn trả ủy thác	-	15.981.226.849
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác	-	306.147.946
		Bán cổ phần cho Công ty	-	11.440.000.000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Nhận ủy thác	14.400.000.000	
		Lãi dự thu tiền gửi ủy thác	51.198.773	
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	11.250.000.000	
		Lãi dự thu tiền gửi ủy thác	40.843.836	
<b>Các khoản phải thu, phải trả khác</b>				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Chi tiền cho mượn	800.000.000	1.776.182.246
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết đến ngày 24/11/2020	Chi tiền cho mượn	-	180.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	180.000.000
Công ty CP Phụ gia bê tông Phá Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	275.000.000	-
		Thu hồi tiền cho mượn	275.000.000	-
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Chi tiền cho mượn	-	80.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	80.000.000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	220.000.000
		Hoàn tạm ứng	-	220.000.000
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết đến ngày 24/11/2020	Nhận tiền cho mượn	-	2.000.000.000
		Thanh toán tiền mượn	-	2.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con	Nhận hộ tiền	2.500.000.000	
		Nhận tiền cho mượn	350.000.000	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

**1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>				
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Chuyển tiền hàng	4.580.184.113	-
		Nhập tôn, sắt thép	-	6.474.009.200
		Thanh toán tiền	-	4.080.000.000
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Nhập mua máy móc	-	1.800.000.000
		Thanh toán tiền hàng	347.000.000	
		Bù trừ công nợ	1.783.500.000	
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Mua hàng hóa	17.065.124.967	-
		Thanh toán tiền hàng	18.418.057.082	-
		Bù trừ công nợ	353.580.382	
Công ty cổ phần Cao su Hiệp Hưng	BLQ của Tổng Giám đốc	Thu lại tiền ứng trước	1.349.377.963	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>			
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	541.176.614	741.176.614
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	2.090.000.000
<b>II. Tiền gửi ủy thác</b>			
Bà Phạm Thị Huế	Trường BKS	11.250.000.000	
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	14.400.000.000	
<b>III. Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	413.923.528	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	34.899.179.400	-
<b>IV. Phải thu khác</b>			
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	1.164.974.782	364.974.782
Bà Phạm Thị Huế	Trường BKS	40.843.836	-
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	51.198.773	-
<b>V. Phải trả người bán</b>			
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	1.980.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	-	4.580.184.113
<b>VI. Trả trước cho người bán</b>			
Công ty cổ phần Cao su Hiệp Hưng	BLQ của Tổng Giám đốc	-	1.349.377.963
<b>VI. Phải trả khác</b>			
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con	2.850.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Mẫu B09 - DN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

**1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

**Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác**

Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hóa của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

**NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ**  
Người lập

**VŨ THỊ THỦY**  
Kế toán trưởng



**MAI ANH TÁM**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

